

Số: 8404 /PA-UBND

Mỹ Thời, ngày 30 tháng 7 năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

**Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với
ông Trần Quang Trung và bà Lê Thị Lắm khi Nhà nước
thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Phát triển kết cấu
hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống, tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính Phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 8384/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND phường Mỹ Thời về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để đầu tư dự án Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống (Đợt 4);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 802/TTr-PKTHĐT ngày 24/7/2026.

1. Thông tin người có đất, tài sản thu hồi:

- **Ông Trần Quang Trung:** Sinh năm 1979, số CCCD 089079023628
- **Bà Lê Thị Lắm:** Sinh năm 1982, số CCCD 087182020335
- Địa chỉ thường trú: khóm Thời An A, phường Mỹ Thời.
- Phương án số: 20

2. Thông tin về đất đai: Không có

- Vị trí thửa đất thu hồi:
- Diện tích; Số tờ, số thửa:
- Loại đất thu hồi:
- Nguồn gốc thửa đất:

3. Loại tài sản:

3.1. Về đất đai: Không có

Loại đất	Diện tích (m ²)
Tổng	

3.2. Loại tài sản trên đất (cây trồng, vật nuôi/công trình xây dựng, nhà)

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Mận	cây	3,00
Cóc	cây	2,00
Nhãn	cây	2,00
Ôi	cây	7,00
Chuối	cây	17,00
Chuối có buồng	cây	2,00
Me	cây	1,00
Dừa	cây	4,00
Tre măng tông	cây	10,00
Bạch đàn	cây	1,00
Xoài	cây	6,00
Chanh	cây	5,00
Mai vàng	cây	30,00
Bông trang	cây	18,00
Đu đủ	cây	3,00
Chùm ruột 03 năm	cây	1,00
Bưởi 03 năm	cây	4,00
Tổng		

3.3. Về hạng mục nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc xây dựng trên đất:

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Nhà	m ²	5,90
Nhà vệ sinh	m ²	1,50
Tổng		

4. Các khoản Bồi thường (4.1+4.2+4.3): 65.452.550 đồng.

4.1. Bồi thường đất đai: Không có

Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền bồi thường (đồng)
----------	-----------------------------	---------------------------	------------------------------

Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền bồi thường (đồng)
Tổng			

4.2. Kinh phí bồi thường cây trồng:

Loại cây	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Mận	3,00	997.000	2.991.000
Cóc	2,00	667.000	1.334.000
Nhãn	2,00	997.000	1.994.000
Ổi	7,00	337.000	2.359.000
Chuối	17,00	76.000	1.292.000
Chuối có buồng	2,00	34.000	68.000
Me	1,00	2.200.000	2.200.000
Dừa	4,00	1.708.000	6.832.000
Tre măng tông	10,00	240.000	2.400.000
Bạch đàn	1,00	600.000	600.000
Xoài	6,00	1.035.000	6.210.000
Chanh	5,00	554.000	2.770.000
Mai vàng	30,00	390.000	11.700.000
Bông trang	18,00	390.000	7.020.000
Đu đủ	3,00	248.000	744.000
Chùm ruột 03 năm	1,00	360.000	360.000
Bưởi 03 năm	4,00	473.000	1.892.000
Tổng			52.766.000

4.3. Kinh phí bồi thường vật kiến trúc:

Hạng mục	Diện tích/ khối lượng	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)
Nhà	5,90	3.057.000	50%	9.018.150
Nhà vệ sinh	1,50	4.076.000	60%	3.668.400
Tổng				12.686.550

5. Các khoản hỗ trợ và hỗ trợ khác (5.1+5.2+5.3+5.4+5.6+5.7): đồng.

5.1. Hỗ trợ ổn định đời sống:

Loại hỗ trợ	Số khẩu	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Tổng					

5.2. Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh: Không có

5.3. Hỗ trợ di dời vật nuôi: Không có

5.4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Tổng cộng				

5.5. Hỗ trợ tái định cư: Không có

5.6. Bồi thường, hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời: Không có

5.7. Các khoản hỗ trợ khác: Không có

Loại hỗ trợ	Diện tích - Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Tổng			

6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (4 + 5): 65.452.550 đồng (Sáu mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm năm mươi đồng).

7. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

8. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng đất với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

9. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có

10. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất (nếu có): không có

11. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): không có

12. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): không có

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội phường, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường, Giám đốc Phòng Giao dịch Số 6 Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, Trưởng Thuế Cơ sở 7 tỉnh An Giang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực liên xã, phường Long Xuyên, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành phương án này. /.

Nơi nhận:

- Sở NN và MT AG;
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T;
- TT. Đảng ủy – HĐND;
- CT và PCT phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thành Nhơn

